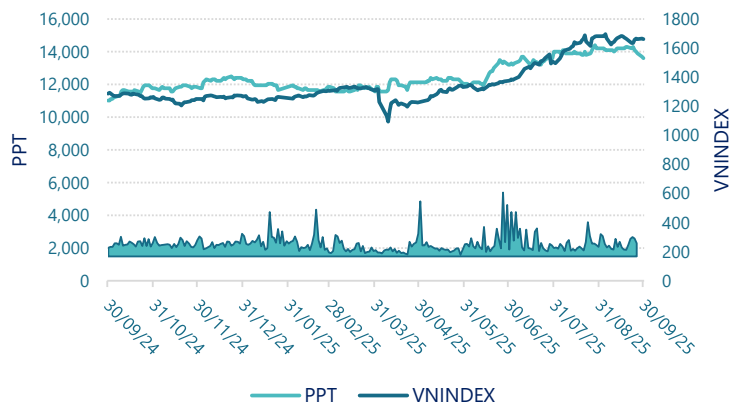




CTCP Petro Times (HNX: PPT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,019
SL cổ phiếu LH	19,644,923
KLGD BQ 20 phiên (CP)	214,575
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	267
P/E	27.4
EPS	496

DT thuần

Q3/25

1,177

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 120 | 11.3%

YoY: ▲ 265 | 29.0%

LN sau thuế

Q3/25

2.38

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.92 | -27.9%

YoY: ▲ 0.36 | 17.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.5%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

9T 2025

3,187

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 248 | 8.4%

LN sau thuế

9T 2025

7.72

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.68 | 9.7%

ROE

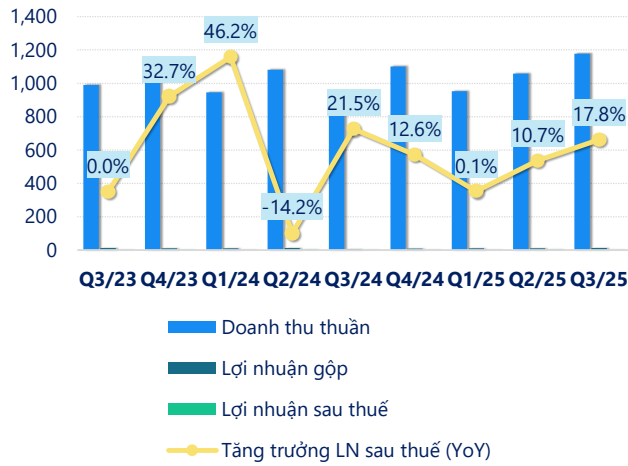
Q3/25

4.9%

+/- YoY: ▲ 0.1%

tỷ VNĐ

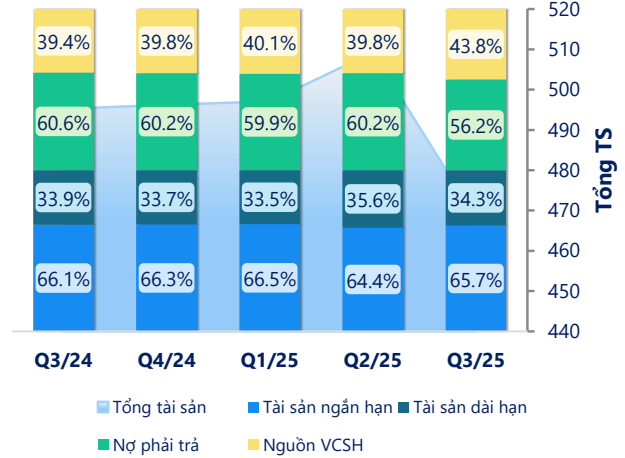
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

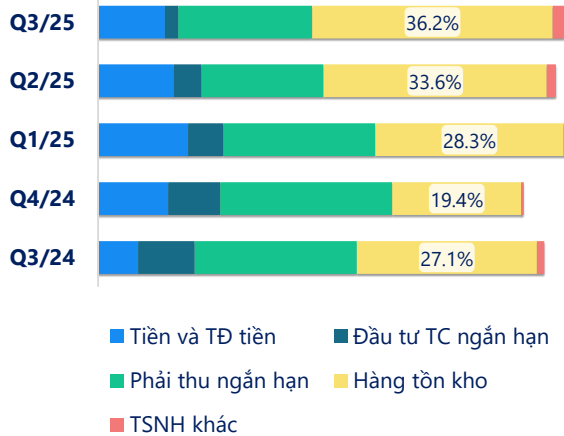
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



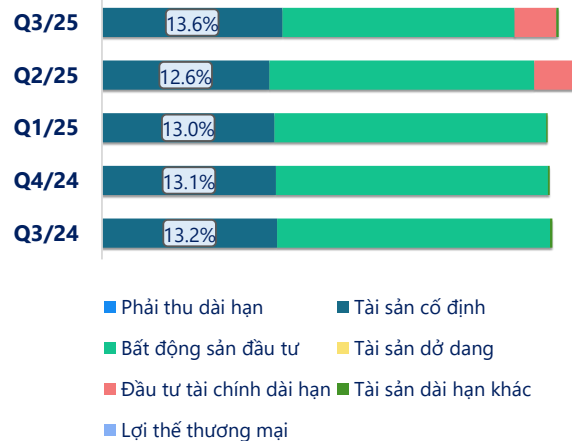
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

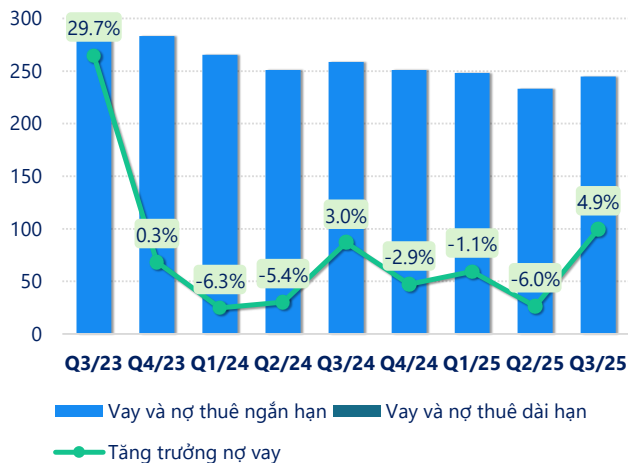
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

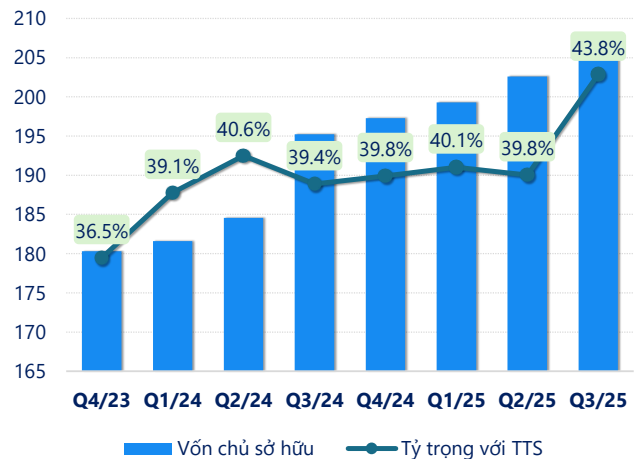
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

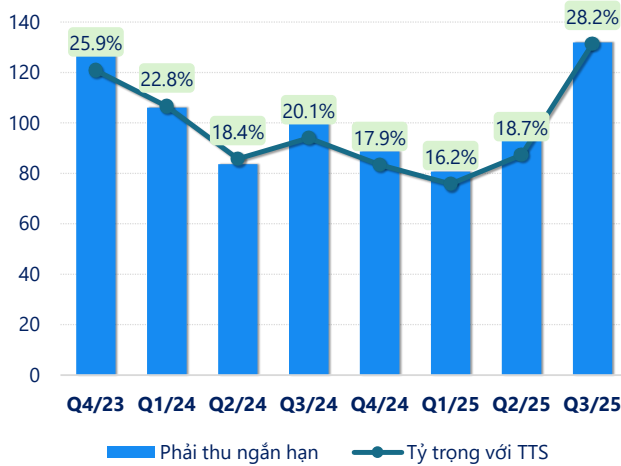
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



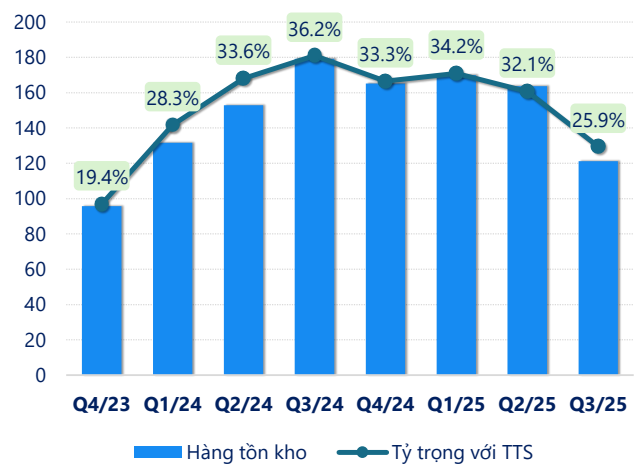
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


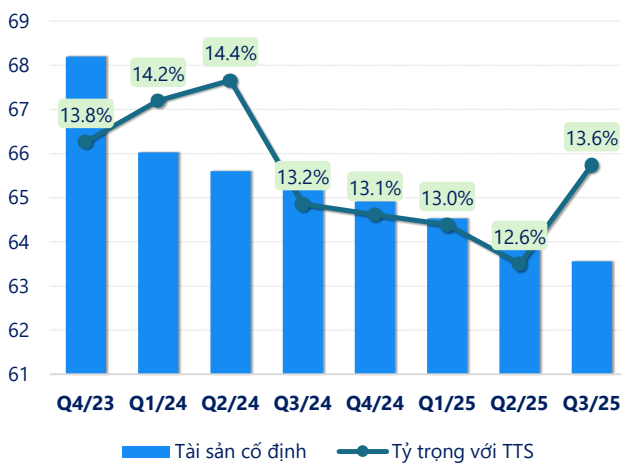
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


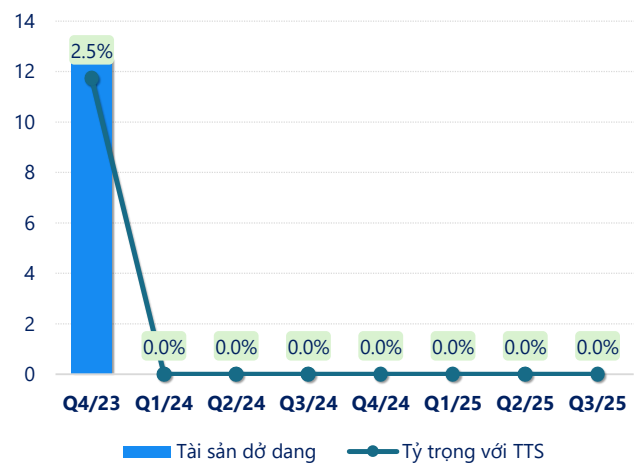
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

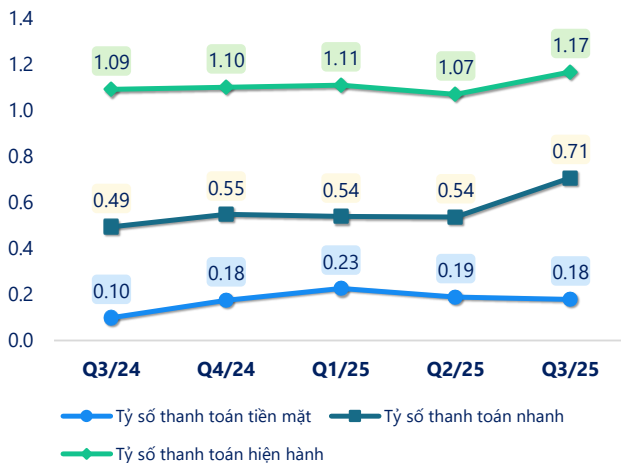
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

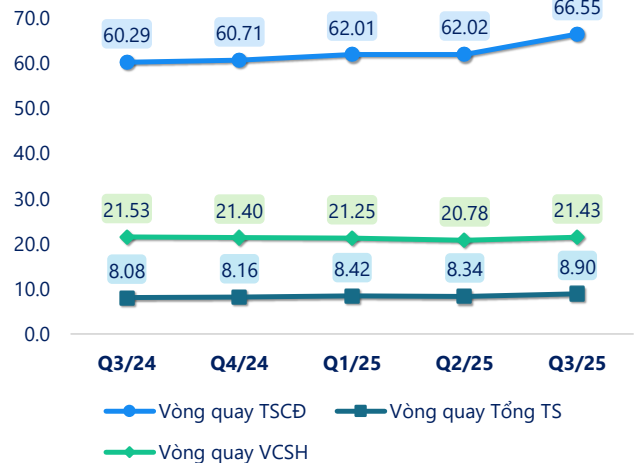
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	495	496	497	509	468
Tài sản ngắn hạn	327	329	330	328	307
Tiền và tương đương tiền	29.7	52.4	67.4	58.0	47.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	16.2	6.20	6.20	6.20
Phải thu ngắn hạn	99.7	88.7	80.7	95.2	132
Hàng tồn kho	179	165	170	164	121
Tài sản ngắn hạn khác	8.75	6.64	6.27	4.98	1.09
Tài sản dài hạn	168	167	167	181	161
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	65.3	64.9	64.5	64.1	63.6
Bất động sản đầu tư	102	102	102	102	81.8
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	14.7	14.7
Tài sản dài hạn khác	0.89	0.67	0.56	0.79	0.81
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	300	299	298	307	263
Nợ ngắn hạn	300	299	298	307	263
Vay và nợ thuê ngắn hạn	259	251	248	233	245
Phải trả người bán ngắn hạn	36.4	36.7	26.8	60.6	0.80
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	195	197	199	203	205
Vốn chủ sở hữu	195	197	199	203	205
Vốn điều lệ	182	182	182	196	196
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)